

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2024

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Bé Em

Bà Trần Thị Lệ

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 440/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977 (có mặt)

ĐKTT: Số nhà D đường N, khu phố C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà B đường N, khu phố C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà D đường N, khu phố C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Tôi và anh H tự quen biết, sau đó hai bên tìm hiểu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi chung sống hai vợ chồng sống chung với gia đình anh Hộ tạ Ninh T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đến năm 2010 về sống tại nhà số D đường N, khu phố C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cách sống hàng ngày, tính tình đôi bên không phù hợp, anh H thường đi về khuya, không quan tâm chăm sóc gia đình, mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên cự cãi, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và vợ chồng sống ly thân từ năm 2023. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà làm đơn xin ly hôn với ông H.

- Về con chung: Chị D xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 23/11/2005 (hiện nay đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự) và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 20/01/2013, hiện con đang sống chung với chị D, anh H. Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên K cho đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 21/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị D tự quen biết, sau đó hai bên tìm hiểu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi chung sống hai vợ chồng sống chung với gia đình anh H tại N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Đến năm 2010 về sống tại nhà số D đường N, khu phố C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cách sống hàng ngày, tính tình đôi bên không phù hợp, thường xuyên cự cãi, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và vợ chồng sống ly thân từ năm 2023. Nay chị D làm đơn ly hôn, anh yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh H xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 23/11/2005 (hiện nay đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự) và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 20/01/2013, hiện con đang sống chung với chị D, anh H. Anh H đồng ý giao người con chung tên K cho chị D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu “Xin ly hôn” với anh Nguyễn Văn H. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về áp dụng pháp luật: Quan hệ hôn nhân chị D và anh H chung sống với nhau vào năm 2004, theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Đối với vụ việc về hôn nhân và gia đình thì áp dụng các quy định và điều luật của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình. Nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại khoản 1 Điều 11 có quy định: “ Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H.

[4] Về quan hệ con chung: Chị D và anh H xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 23/11/2005 (hiện nay đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự) và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 20/01/2013. Chị D và anh H thống nhất thỏa thuận giao người con chung tên Nguyễn Trọng K cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản trình bày nguyện vọng của cháu K vào ngày 21/3/2024, nếu cha mẹ ly hôn cháu muốn sống chung với mẹ. Như vậy, sự thỏa thuận của chị D và anh H phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị D và anh H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị D và anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 23/11/2005 (hiện nay đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự) và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 20/01/2013. Chị D và anh H thống nhất thỏa thuận giao người con chung tên Nguyễn Trọng K cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với người khác.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị D được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002725 ngày 03/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Thạch Sô Phép